MỞ ĐẦU

1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN.

1.1. Thông tin chung về dự án:

Tỉnh Nam Định là trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng có nguồn lao động trẻ, dồi dào. Hệ thống giao thông được đầu tư đồng bộ, kết hợp đường sắt, đường thủy tạo thành mạng lưới giao thông vận tải liên hoàn, đủ điều kiện tổ chức vận tải đa phương thức tới mọi vùng miền trong nước. Hiện nay tỉnh Nam Định đang thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp trong và ngoài nước với nhiều loại hình kinh tế sản xuất, kinh doanh dịch vụ mang lại hiệu quả cao.

Công ty cổ phần Đất Việt Nam Định được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0601215049 đăng ký lần đầu ngày 7/4/2021, đăng ký thay đổi thứ 3 ngày 06/06/2023 được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp. Trước nhu cầu phát triển, Công ty đầu tư dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh điện, điện tử,bao bì, thiết bị y tế, plastic, cơ khí, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp, nội ngoại thất ô tô”.

Dự án đã được UBND tỉnh Nam Định cấp Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án với diện tích khoảng 49.100 m2.

Theo đó, quy mô của dự án:

- Gia công sản xuất các loại chỉ nano, chỉ chống cháy và các dây chỉ khác khoảng 7.000.000 cuộn/ năm. Các loại dây bện chống cháy và dây bện khác khoảng 150.000.000 chiếc/ năm. Các loại dây chỉ nano, chỉ chống cháy và các loại dây chỉ khác khoảng 20.000.000 cuộn/ năm;

- Các sản phẩm điện, điện tử, điện lạnh khoảng 900.000 sản phẩm/năm.

- Gia công linh kiện điện tử khoảng 1000.000 sản phẩm/ năm.

- Gia công các sản phẩm y tế khoảng 900.000 sản phẩm/ năm.

- Gia công cơ khí, máy móc chế tạo khoảng 20.000 tấn/ năm

- Gia công các phụ tùng ô tô, xe đạp xe máy, xe có động cơ khác khoảng 100.000 sản phẩm/ năm.

- Gia công bìa giấy khoảng 60.000 tấn/năm .

- Gia công các sản phẩm plastic cao cấp khoảng 2000.000 tấn/năm.

- In ấn khoảng 1.000.000 sản phẩm/ năm.

Vị trí thực hiện dự án đã được UBND tỉnh Nam Định chấp thuận cho Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân tại xã Liên Bảo để thực hiện dự án tại. Tổng diện tích của dự án là 49.100 m2. Trong đó diện tích đất trồng lúa nước 02 vụ là, diện tích đất 40.291,1m2 ,kênh mương mặt nước 3.829,9m2, diện tích đất giao thông là 4.979 m2. Dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án sẽ phát sinh các tác động đến môi trường trong vùng bao gồm môi trường tự nhiên (môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất) và môi trường xã hội. Như vậy việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nhằm phân tích các tác động sẽ diễn ra trong quá trình chuẩn bị dự án, quá trình dự án đi vào hoạt động cũng như khi dự án ngừng hoạt động và đề ra các biện pháp giảm thiểu các tác động đó.

Căn cứ theo Điểm b Khoản 1 Điều 30; Khoản 3 Điều 35 Luật bảo vệ môi trường năm 2020; Điểm đ Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022 và mục số 6 Phụ lục IV phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường: Dự án có diện tích chuyển mục đích, sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ là 40.291,1m2 thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai. Vậy Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và UBND tỉnh Nam Định phê duyệt kết quả thẩm định.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư:

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

1.3.Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh điện, điện tử,bao bì, thiết bị y tế, plastic, cơ khí, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp, nội ngoại thất ô tô là dự án đầu tư mới và phù hợp với các quy hoạch sau:

- Quyết định số 2341/QĐ-TTg ngày 02/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐTM.

2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.

***2.1.1. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực bảo vệ môi trường:***

- Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/05/2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2022 của chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 16/2009/TT-BTNMT ngày 7/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT ngày 25/10/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 64/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 65/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 66/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

***2.1.2. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực đầu tư.***

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020.

- Luật số 03/2016/QH14 về sửa đổi, bổ sung điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư.

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ quy định chi tiết luật thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật của Luật đầu tư.

- Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 20/8/2016 của Bộ Tài Chính quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của chính phủ quy định chi tiết luật thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

***2.1.3. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên nước.***

- Luật Tài nguyên Nước năm 2012.

- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/03/2020 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

***2.1.4. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai:***

 - Luật Thủy lợi năm 2017;

 - Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh Nam Định về Ban hành Quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và các quy định pháp lý liên quan.

***2.1.5. Căn cứ pháp lý về luật đất đai***

- Luật đất đai năm 2013.

 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai.

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai.

- Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh Nam Định về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện khi Nhà nước thu hồi đất.

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

***2.1.6. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực xây dựng.***

- Luật xây dựng 2014.

- Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ: Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ: Về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Thông tư 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ xây dựng quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng.

- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/08/2021 Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ;

- Thông tư số 11/2021/TT–BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- TCXDVN 33:2006 về cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 7957:2008 – Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 10: 2014/BXD về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4319: 2012 - Nhà và công trình công cộng – Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2737: 1995 - Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9362 : 2012 - Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574: 2018 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5575: 2012 - Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5573: 2011 - Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9362 : 2012 - Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4474: 1987 - Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4513: 1988 - Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9207: 2012 - Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9206: 2012 - Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9385: 2012 - Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9258: 2012 - Chống nóng cho nhà ở - Chỉ dẫn thiết kế.

***2.1.7. Căn cứ pháp lý về luật doanh nghiệp***

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

 - Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Doanh nghiệp;

 - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

***2.1.8. Căn cứ pháp lý về phòng cháy chữa cháy***

- Luật phòng cháy chữa cháy năm 2001.

- Luật phòng cháy chữa cháy năm 2013 về việc sửa, bổ sung một số điều của luật phòng cháy chữa cháy.

- Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

- Nghị định số 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- TCVN 2622:1995 - Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình–Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 3890:2009 - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.

***2.1.9. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực An toàn thực phẩm.***

- Luật An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2010;

- Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

- Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

***2.1.10. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động.***

- Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

- Thông tư 09/2017/TT-BCT ngày 13/7/2017 của Bộ Công Thương ban hành quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư 10/2017/TT-BCT ngày 26/7/2017 của Bộ Công Thương ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục các loại máy móc, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

***2.1.11. Quy chuẩn môi trường Việt Nam áp dụng:***

QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;

QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

QCVN 50: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước;

QCVN 03-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất;

QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm;

Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn tương đương khi có thay đổi.

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.

Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của UBND tỉnh Nam Định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh điện, điện tử,bao bì, thiết bị y tế, plastic, cơ khí, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp, nội ngoại thất ô tô”.

2.3. Nguồn tài liệu, dữ liệu do chủ dự án cung cấp:

- Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh điện, điện tử,bao bì, thiết bị y tế, plastic, cơ khí, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp, nội ngoại thất ô tô”

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0601215049 đăng ký lần đầu ngày 7/4/2021, đăng ký thay đổi thứ 3 ngày 6/6/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng của dự án.

- Các văn bản, tài liệu liên quan khác.

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM.

3.1. Tóm tắt về việc tổ chức thực hiện ĐTM.

Đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Là việc phân tích, đánh giá, nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu và đưa ra các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

**- Trình tự thực hiện lập báo cáo ĐTM:**

 + Nghiên cứu dự án: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, thuyết minh Quy hoạch tổng mặt bằng dự án do Chủ dự án cung cấp.

+ Khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án: Khảo sát về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - văn hóa – xã hội địa bàn khu vực dự án.

+ Tiến hành quan trắc, lấy mẫu, phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường (*khu vực dự án)* trước khi thực hiện dự án.

+ Xây dựng báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp.

+ Tham vấn cộng đồng dân cư khu vực dự án.

+ Giúp chủ dự án lập thủ tục thẩm định trình các cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định và cấp quyết định phê duyệt.

**- Nội dung và cấu trúc:**

Cấu trúc và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường tuân thủ theo đúng mẫu 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

**4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

 *- Các phương pháp ĐTM:*

Báo cáo đánh giá tác động môi trường được nghiên cứu, xây dựng dựa trên các cơ sở dữ liệu tin cậy, chi tiết và sử dụng các phương pháp khoa học, phù hợp với thực tiễn, cụ thể như sau:

Phương pháp sử dụng bản đồ (áp dụng tại chương 1 của báo cáo): sử dụng các bản đồ để xác định khu vực thực hiện dự án, các đối tượng xung quanh.

Phương pháp so sánh: đánh giá chất lượng môi trường trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn /quy chuẩn môi trường liên quan (áp dụng tại chương II của báo cáo).

Phương pháp nhận dạng (áp dụng tại chương 2 của báo cáo):

+ Mô tả các thành phần môi trường;

+ Xác định tác động của dự án ảnh hưởng đến môi trường;

+ Nhận dạng đầy đủ các tác động, các vấn đề môi trường liên quan phục vụ cho công tác đánh giá chi tiết;

Phương pháp đánh giá nhanh (áp dụng tại chương 3 của báo cáo): Trong quá trình đánh giá còn sử dụng phương pháp đánh giá nhanh dựa vào số liệu phát thải của các chất khí, bụi, tiếng ồn,… do tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đưa ra. Kết quả của phương pháp này có độ tin cậy cao và là cơ sở để đánh giá sơ bộ các nguồn ô nhiễm cũng như các biện pháp giảm thiểu kèm theo.

Phương pháp so sánh, đối chứng: Dùng để đánh giá hiện trạng và tác động trên cơ sở so sánh số liệu đo đạc hoặc kết quả tính toán với các giới hạn cho phép trong các QCVN, TCVN còn hiệu lực. Phương pháp này được sử dụng trong chương 2, 3 của báo cáo, trên cơ sở kết quả phân tích, tính toán so sánh với các quy chuẩn, tiêu chuẩn.

Phương pháp lấy mẫu hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm: Nhằm xác định các thông số về hiện trạng chất lượng môi trường không khí, đất, nước tại khu vực thực hiện dự án và lân cận phục vụ cho việc đánh giá tác động môi trường, xây dựng các chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án. Phương pháp này được áp dụng tại Chương 2 của báo cáo ĐTM.

Phương pháp tham vấn cộng đồng: Sử dụng trong quá trình điều tra thực địa tại các khu vực dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án. Tiến hành họp lấy ý kiến của lãnh đạo của chính quyền địa phương cũng như của người dân xung quanh khu vực thực hiện dự án, nhằm xác định những tác động mà dự án gây ra, đồng thời chủ dự án cũng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết. Phương pháp này được sử dụng trong chương V của báo cáo.

5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM.

5.1. Thông tin về dự án:

***5.1.1. Thông tin chung:***

 - Tên dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh điện, điện tử,bao bì, thiết bị y tế, plastic, cơ khí, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp, nội ngoại thất ô tô.

 - Địa điểm thực hiện dự án: xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

 - Chủ dự án: Công ty cổ phần Đất Việt Nam Định

***5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:***

*\* Phạm vi dự án:*

Khu vực thực hiện dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh điện, điện tử,bao bì, thiết bị y tế, plastic, cơ khí, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp, nội ngoại thất ô tô” có tổng diện tích 49.100 m2 tại xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định với vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Tây giáp đất nông nghiệp của xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản.

- Phía Đông giáp tỉnh lộ 485B.

- Phía Nam đất nông nghiệp của xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản

- Phía Bắc giáp sông Tiên Hương.

*\* Công suất thiết kế:*

 - Công suất sản phẩm:

- Gia công sản xuất các loại chỉ nano, chỉ chống cháy và các dây chỉ khác khoảng 7.000.000 cuộn/ năm. Các loại dây bện chống cháy và dây bện khác khoảng 150.000.000 chiếc/ năm. Các loại dây chỉ nano, chỉ chống cháy và các loại dây chỉ khác khoảng 20.000.000 cuộn/ năm;

- Các sản phẩm điện, điện tử, điện lạnh khoảng 900.000 sản phẩm/năm.

- Gia công linh kiện điện tử khoảng 1000.000 sản phẩm/ năm.

- Gia công các sản phẩm y tế khoảng 900.000 sản phẩm/ năm.

- Gia công cơ khí, máy móc chế tạo khoảng 20.000 tấn/ năm

- Gia công các phụ tùng ô tô, xe đạp xe máy, xe có động cơ khác khoảng 100.000 sản phẩm/ năm.

- Gia công bìa giấy khoảng 60.000 tấn/năm .

- Gia công các sản phẩm plastic cao cấp khoảng 2000.000 tấn/năm.

- In ấn khoảng 1.000.000 sản phẩm/ năm.

 - Số lượng người cán bộ công nhân viên, người lao động dự kiến: 500 người

*\* Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến:* Xây dựng các hạng mục công trình theo quy hoạch tổng mặt bằng và cấp phép theo quy định.

 - Tổng diện tích dự án: 41.814 m2

 + Diện tích xây dựng hạng mục công trình: 13.154,77 m2 chiếm 31,46%

 + Diện tích sân đường nội bộ, sân bãi vật liệu và thành phẩm, nhà thường trực, chốt bảo vệ, trạm biến áp, bể tiểu cảnh: 18.306,23 m2 chiếm 43,78%

 + Đất cây xanh: 9.853 m2, chiếm 23,56%

 + Đất mặt nước: 500 m2, chiếm 1,2%

***5.1.3. Công nghệ sản xuất:***

*a.* Quy trình sản xuất chỉ và dây

**NHẬN ĐƠN HÀNG**

**PHÂN CHỈ**

**SẮP XẾP TIẾN ĐỘ**

**PHÂN PHỐI NGUYÊN LIỆU**

**TỐC ĐỘ CAO CHẠY**

 **LÀ**

**KIỂM HÀNG**

**ĐÓNG GÓI XUẤT HÀNG**

**DỆT DÂY**

**KIỂM HÀNG**

 **IN**

 **LÊN NẾN**

**DẬP ĐẦU**

**ĐÓNG GÓI XUẤT HÀNG**

**KIỂM HÀNG**

**ĐÓNG GÓI XUẤT HÀNG**

**DẬP ĐẦU**

**ĐÓNG GÓI XUẤT HÀNG**

**KIỂM HÀNG**

**ĐÓNG GÓI XUẤT HÀNG**

 **DỠ DÂY**

**DẬP ĐẦU**

 **sản xuất**

 **SE CHỈ**

**ĐÁNH CHỈ**

**ĐÓNG GÓI XUẤT HÀNG**

**ĐÓNG GÓI XUẤT HÀNG**

**KIỂM HÀNG**

**KIỂM HÀNG**

**KIỂM HÀNG**

 **CẢI MÀU**

b. Gia công các thiết bị điện tử

Nguyên liệu

Kiểm tra IQC

Lắp ráp đầu nổi

Lắp ráp trụ nổi

Lắp ráp giắc cắm

Lắp ráp chéo các khớp nối

Hàn nối

Lắp ráp cáp

Lắp ráp PCAB

Kiểm tra

Lắp ráp nắp

Đóng gói

CTR

Đầu nối, đinh

Trụ nối

Giắc cắm

Khớp nối

Thiếc hàn

Cáp

Linh kiện PCAB

Nắp

Bao bì đóng gói

CTNH, khí thải

CTR

Xuất hàng

*c.* ***Quy trình sản xuất phụ tùng o to xe máy, xe đạp***

*\* Quy trình sản xuất vỏ, khung xe*

Nguyên liệu

đầu vào (tôn, sắt)

Máy cắt

Máy đột dập

Máy hàn

Sản phẩm

Tiếng ồn, CTR

Tiếng ồn, CTR

CTNH, khói hàn

Xuất bán

KCS

Nhập kho

*d.* ***Quy trình gia công các sản phẩm cơ khí***

Nguyên liệu

đầu vào (sắt, thép)

Máy cắt

Máy hàn

Máy tiện

Rửa sạch

Tiếng ồn, CTR

Tiếng ồn, khói hàn

Nước thải, CTR

Kiểm tra chất lượng

Xuất bán

Sản phẩm

Xuất bán

e. Quy trình gia công bìa giấy

Hoàn thiện sản phẩm

In

Thiết kế

Bìa giấy

CTR, tiếng ồn, hơi mùi keo

CTNH, hơi mùi mực in

Ghi chú:

 Đường công nghệ

 Đường thải

f. Quy trình in ấn (bao bì, nhãn mác)

Kiểm tra

Nhập kho

Sản phẩm cần in

Hơi mùi mực in, CTR, CTNH, nước thải từ quá trình rửa khuôn in

Phân loại

Sấy, ép

Chụp phim

Chế tạo bản in

Pha màu mực in

Nhiệt độ, hơi mùi mực in

Xử lý bề mặt

Tiếng ồn, bụi

In (in tay, in máy)

Hơi mùi, CTNH

Ghi chú:

 Đường công nghệ

 Đường thải

***5.1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án.***

- Các hoạt động của dự án: Dự án hoạt động sản xuất công nghiệp.

- Các hạng mục công trình của dự án như sau:

1. + Cổng
2. + Nhà để xe 1: (Diện tích: 420 m2, 1 tầng)
3. + Văn phòng 1 : (Diện tích: 968m2, 3 tầng)
4. + Nhà để xe 2: (Diện tích: 660m2, 1 tầng)
5. + Xưởng sản xuất 1: (Diện tích: 3.000 m2, 1 tầng)
6. + Kho phụ trợ 1: (Diện tích: 600 m2, 1 tầng)
7. + Nhà kho 1: (Diện tích: 3.465 m2, 1 tầng)
8. + Nhà kho 2: (Diện tích: 3.150 m2 , 1 tầng)
9. + Nhà kho 3: (Diện tích: 2.625 m2 , 1 tầng)
10. + Kho phụ trợ 2: (Diện tích: 360 m2, 1 tầng)
11. + Tròi nghỉ: (Diện tích: 105 m2 , 1 tầng)
12. + Xưởng sản xuất 2: (Diện tích: 2.889 m2 , 1 tầng)
13. + Xưởng sản xuất 3: (Diện tích: 2.889 m2, 1 tầng)
14. + Xưởng sản xuất 4: (Diện tích: 2.160 m2 , 1 tầng)
15. + Văn phòng 2: (Diện tích: 672 m2 , 3 tầng)
16. + Kho phụ trợ 3: (Diện tích: 500 m2, 1 tầng)
17. + Kho phụ trợ 4: (Diện tích: 500 m2, 1 tầng)
18. + Hồ điều hòa: 485 m2
19. + Cây xanh, thảm cỏ: 9.945,20 m2
20. + Sân, đường nội bộ: 13.706,80 m2

***5.1.5.Các yếu tố nhạy cảm về môi trường***

Căn cứ điểm đ, khoản 4, điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và mục số 6 Phụ lục IV phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì yếu tố nhạy cảm của dự án được xác định là đất trồng lúa nước 2 vụ với diện tích 40.291,1m2 có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền chấp thuận của HĐND tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật về đất đai.

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường.

*\* Giai đoạn thi công xây dựng dự án.*

- Tác động của khí thải, bụi đất, bụi cát trong quá trình bóc tách tầng đất mặt, quá trình vận chuyển nguyên vật liệu của các phương tiện vận tải; hoạt động thi công xây dựng; hoạt động san lấp mặt bằng hoạt động hàn kết cấu; từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu.

- Tác động của tiếng ồn, rung, nhiệt độ từ các máy móc thi công xây dựng, hoạt động vận chuyển của các phương tiện vận tải.

- Tác động của nước thải sinh hoạt công nhân xây dựng.

- Tác động của chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn từ các hoạt động thi công xây dựng.

- Tác động của chất thải nguy hại trong quá trình sửa chữa máy móc thiết bị, thi công.

*\* Giai đoạn dự án đi vào vận hành:*

- Tác động của bụi, khí thải, hơi mùi: bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất, đi lại của CBCNV;Khí thải hoạt động sản xuất; Hơi mùi, khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung....

- Tác động của nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của CBCNV,....

- Tác động của chất thải rắn thông thường (chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp); chất thải nguy hại; tiếng ồn, nhiệt độ, độ rung.

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính của dự án.

***5.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án:***

a) Đất bóc tách từ hoạt động bóc tách tầng đất mặt đất trồng lúa 02 vụ:

*\* Nguồn phát sinh*: Từ hoạt động bóc tách lớp đất hữu cơ bề mặt đất trồng lúa

*\* Tải lượng*: Khối lượng bùn đất hữu cơ khoảng 8.058 m3

*\* Tác động*: Toàn bộ lớp bùn đất hữu cơ bề mặt sau khi bóc tách được tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

b) Bụi, khí thải:

*\* Nguồn phát sinh*: khí thải, bụi đất, bụi cát,…từ quá trình bóc tách tầng đất mặt; san lấp mặt bằng; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu của các phương tiện vận tải; từ hoạt động thi công xây dựng; hoạt động đào đắp đất; hoạt động hàn kết cấu; từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu

*\* Tác động:* Bụi, khí thải ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công trên công trường; hoạt động sản xuất nông nghiệp gần khu vực dự án. Gây bệnh cho con người như bệnh viêm đường hô hấp, viêm da, bệnh đường tiêu hóa,…

c) Tiếng ồn, rung, nhiệt độ:

*\* Nguồn phát sinh:* từ các máy móc thi công xây dựng, hoạt động vận chuyển của các phương tiện vận tải.

*\* Tác động:* Khi máy móc hoạt động với cường độ lớn trong thời gian dài gây ảnh hưởng đến cơ thể con người ban đầu gây khó chịu nếu ở mức độ nặng sẽ thay đổi hoạt động của tim. Rung động kết hợp với tiếng ồn làm cơ quan thính giác bị mệt mỏi dẫn đến bệnh điếc nghề nghiệp. Người lao động khi làm việc ngoài trời ở nhiệt độ cao bị mất nhiều mồ hôi sẽ làm mất một số lượng muối của cơ thể. Cơ thể mệt mỏi, đau đầu, chóng mặt, buồn nôn làm giảm sự chú ý trong lao động.

d) Nước thải

*\* Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng:*

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường

- Tải lượng: Tổng tải lượng nước thải sinh hoạt vào ngày lớn nhất là 3m3/ngày.

*\* Nước thải thi công:*

- Nguồn phát sinh: nước rửa xe, nước rửa nguyên vật liệu, nước vệ sinh máy móc thiết bị,…

- Tải lượng nước thải phát sinh từ quá trình xây dựng không ổn định, tùy thuộc vào từng công đoạn xây dựng, ước tính khoảng 3m3/ngày.

*\* Tác động của nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt công nhân xây dựng: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất bài tiết với thành phần chất thải hữu cơ cao. Nếu không thu gom xử lý xả nước thải xuống sông, kênh mương, các vi sinh vật sẽ ôxy hóa sinh học các chất hữu cơ, kết hợp với sự phát triển quá mức của tảo do hàm lượng N, P trong nước thải lớn.

- Nước thải thi công xây dựng: Lượng nước thải tạo ra từ thi công các hạng mục nhìn chung không nhiều. Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải thi công là đất, cát xây dựng thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng ngay trên các tuyến thoát nước thi công tạm thời.

e) Chất thải rắn thông thường:

*\* Chất thải rắn sinh hoạt:*

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của người lao động trên công trường

- Tải lượng: 12kg/ngày

*\* Chất thải rắn xây dựng:*

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình của dự án. Thành phần: đất đá rơi vãi, sắt thép vụn, gỗ cotpha,...

- Bùn nạo vét kênh mương với khối lượng khoảng 1.531,84 m3.

*\* Tác động*: Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng: Chất thải nếu không được thu gom, xử lý kịp thời sẽ phát sinh bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và bị cuốn trôi theo nước mưa xuống kênh mương nội đồng làm tắc nghẽn, gây ngập úng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, rơi xuống đường ảnh hưởng đến hoạt động lưu thông của người dân. Chất thải rắn sinh hoạt dễ phân hủy phát sinh mùi và khí độc, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

f) Chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động thi công xây dựng, hoạt động sơn tường,…

- Tải lượng: khoảng 300 kg

- Tác động của chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại có nguy cơ tiềm tàng gây ô nhiễm môi trường không khí, gây độc đối với hệ sinh thái và con người trong khu vực. Các chất thải nguy hại khi phát tán vào môi trường nước, đất các động thực vật sử dụng nguồn nước này sẽ bị tích luỹ các chất độc vào cơ thể có thể gây nhiễm độc mãn tính và chúng cũng là mắt xích của chuỗi thức ăn, dẫn đến các chất độc sẽ tích luỹ sinh học trong chuỗi thức ăn và có thể ảnh hưởng tới sức khoẻ con người.

***5.3.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành:***

a) Bụi, khí thải.

 *\* Nguồn phát sinh:*

- Hoạt động giao thông:

+ Hoạt động lưu thông xe máy, xe ô tô các loại của công nhân, khách hàng và xe chở nguyên liệu đến, chở sản phẩm đi tiêu thụ sẽ là nguồn phát sinh bụi, khí thải. Thành phần: khí SO2, NOx, CO, CO2, VOC và bụi.

- Hoạt động sản xuất: phát sinh chủ yếu từ công đoạn cắt thành phần là bụi kim loại

 *\* Tác động:* Bụi, khí thải, hơi mùi phát sinh từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt gây ảnh hưởng tới sức khỏe người công nhân lao động tại công ty và môi trường xung quanh. Khi cơ thể con người tiếp xúc với bụi, khí thải tùy theo mức độ nặng, nhẹ, nhiều hay ít có thể mắc bệnh hô hấp, bệnh viêm da, bệnh tiêu hóa.

b) Chất thải rắn thông thường:

*\* Nguồn phát sinh:*

- Chất thải rắn sinh hoạt: từ hoạt động sinh hoạt, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng 200 kg/ngày

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: thành phần đầu mẩu sắt, tôn vụn, chỉ vụn thải, giấy thải... khoảng 8 tấn/năm.

+ Bùn thải từ trạm xử lý nước thải: khoảng 500 kg/năm

*\* Tác động của chất thải rắn thông thường:* khi thải vào môi trường làm mất mỹ quan, tích tụ trong đất, nguồn nước, gây ảnh hưởng đến hệ thống thoát nướclàm ách tắc dòng chảy cục bộ. Chất thải rắn ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt, môi trường đất khu vực công ty và làm mất mỹ quan môi trường. Đối với chất thải có thể dễ phân hủy sinh học như lá cây, thức ăn sẽ phát sinh ra các khí gây nên mùi hôi, thối (H2S, mercaptan), gây tác động đến chất lượng không khí khu vực, ảnh hưởng đến sức khoẻ người lao động.

c) Chất thải nguy hại.

*- Nguồn phát sinh:* Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của nhà máy.

*- Tải lượng:* Tổng khối lượng CTNH phát sinh khoảng 300 kg/năm.

*- Tác động của CTNH:* Chất thải nguy hại khi phát tán vào môi trường nước, khi động thực vật sử dụng nguồn nước này sẽ bị tích luỹ các chất độc vào cơ thể có thể gây nhiễm độc mãn tính và chúng cũng là mắt xích của chuỗi thức ăn, dẫn đến các chất độc sẽ tích luỹ sinh học trong chuỗi thức ăn và ảnh hưởng tới sức khoẻ con người. Những thành phần nguy hại này nếu ngấm xuống môi trường đất, khu vực ruộng canh tác của người dân sẽ làm hư hại hoa màu của người dân, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống thu nhập của người dân.

Chất thải nguy hại có khả năng gây độc tiềm tàng đối với động, thực vật và sức khoẻ con người nếu như không được quản lý theo đúng quy định.

d) Nước thải

*\* Nguồn phát sinh, tải lượng:*

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong nhà máy khối lượng nước thải khoảng 50m3/ngày.

- Nước thải sản xuất: Hoạt động sản xuất không sử dụng nước trực tiếp vào công đoạn sản xuất. Do đó không phát sinh nước thải từ quá trình sản xuất.

 *\* Tác động của nước thải:*

Nước thải sinh hoạt: phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc trong công ty. Thành phần chủ yếu là hợp chất hữu cơ đặc trưng bởi các thông số COD, BOD5, N, P... nếu không được xử lý trước khi ra nguồn tiếp nhận sẽ gây ảnh hưởng lớn đến môi trường nước mặt, nước ngầm, môi trường đất.

e) Tiếng ồn, nhiệt độ: Phát sinh chủ yếu trong xưởng sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động. Người lao động làm việc liên tục trong môi trường có nhiệt độ cao sẽ mệt mỏi và làm việc trong môi trường có tiếng ồn cao có thể bị điếc.

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

***5.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng Dự án***

*a. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:*

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

*- Đối với nước thải sinh hoạt:* Chủ dự án sẽ lắp đặt 02 nhà vệ di động gần khu vực lán trại. Nhà vệ sinh di động vật liệu chế tạo bằng composite không han rỉ, bền với thời gian. Dung tích bể chứa chất thải: 2m3/nhà.

*- Đối với nước mưa chảy tràn:*

*+* Tiến hành che chắn nguyên vật liệu tập kết tại công trường để hạn chế nước mưa cuốn trôi các tạp chất bẩn;

+ Đơn vị thi công ưu tiên xây dựng hệ thống đường cống thu gom và tiêu thoát nước mưa trước khi xây dựng các hạng mục công trình nhằm tiêu thoát nước mưa chảy tràn và cũng tận dụng đường cống này để tiêu thoát nước thải từ quá trình xây dựng. Để đảm bảo việc tiêu thoát nước đơn vị thi công thường xuyên nạo vét bùn cặn trong hố ga.

+ Cử công nhân thu dọn các chất thải rắn, phế liệu sau mỗi ngày làm việc.

+ Không để tạo trên mặt bằng các thùng vũng đọng nước.

*- Đối với nước thải từ quá trình xây dựng:*

+ Yêu cầu công nhân sử dụng nước theo đúng định mức trong quá trình đảo trộn xi măng, đất, cát,…

+ Nhà thầu thi công yêu cầu công nhân, người lao động trên công trường không rửa phương tiện, dụng cụ thi công dưới kênh mương nội đồng xung quan khu vực dự án. Vị trí tập trung thiết bị thi công bố trí phía Đông Nam dự án.

+ Các phương tiện hoạt động trên công trường khi đến hạn bảo dưỡng hoặc thay dầu được đưa tới các gara để sửa chữa, thay thế và bảo hành định kỳ để hạn chế tới mức thấp nhất sự rơi vãi của các loại dầu máy có chứa thành phần nguy hại tới môi trường.

+ Đơn vị thi công ưu tiên sử dụng bê tông thương phẩm nhằm hạn chế nước thải phát sinh.

+ Trong trường hợp phát sinh nước thải xây dựng đơn vị thi công tận dụng hệ thống đường cống thoát nước mưa. Đồng thời thường xuyên kiểm tra vệ sinh, nạo vét bùn cặn tại đường cống đảm bảo hệ thống đường cống tiêu thoát nước tốt.

*b. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường*

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 3 thùng rác (thể tích 50- 100 lít/thùng) tại khu vực dự án để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải của địa phương, vận chuyển, xử lý tại khu xử lý rác thải tập trung theo quy định.

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ CTR từ quá trình thi công: Đất, đá, gạch vỡ, bê tông thải,… được tận dụng để san lấp mặt bằng.

+ Đối với các loại sắt thép vụn, bao bì, gỗ,… được bán cho cơ sở có nhu cầu sử dụng, tái chế.

+ Đối với các loại chất thải khác không thể tái chế, tái sử dụng sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Đối với bùn nào vét kênh mương được sử dụng toàn bộ để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

*c. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại:*

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

Chủ dự án sẽ bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 5m2 có mái che bố trí gần khu vực kho chứa sắt thép, xi măng trong khu vực dự án; trong kho bố trí 03 thùng chứa CTNH thể tích 20-50 lít/thùng để lưu chứa đầu mẩu que hàn, chổi lăn sơn thải, giẻ lau dính dầu mỡ; đối với vỏ thùng sơn số lượng nhiều được thu gom xếp chồng lên nhau. Các chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

*d. Biện pháp đối với khối lượng bóc tách tầng đất mặt:*

 Đối với lượng bùn đất hữu cơ phát sinh từ quá trình bóc tách tầng đất mặt được chủ dự án tận dụng toàn bộ vào khu vực trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

*e. Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải.*

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công đảm bảo quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng thiết bị thi công cũ, lạc hậu; Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ, chở đúng tải trọng cho phép và có bạt che chắn, không để vật liệu rơi xuống dọc tuyến đường vận chuyển.

- Không đốt các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng dự án.

***5.4.2. Giai đoạn vận hành dự án:***

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án.

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Hệ thống thu gom nước thải.

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m3/ngày. đêm.

 - Cây xanh diện tích chiếm tỷ lệ khoảng 20,25% (diện tích: 9.945,20m2)

 - Thùng chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại; Kho chứa CTNH; Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

*a. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải.*

*\* Hệ thống thu gom nước mưa*

Chủ đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải. Xây dựng hệ thống đường ống thu gom mưa trên mái của các tòa nhà là đường ống nhựa HDPE D200. Xây dựng mạng lưới đường cống tròn BTCT đúc sẵn D400, D500, D600 (công trên hè tải trọng VH, cống dưới lòng đường tại trọng HL93) chạy dọc theo các lô đất quy hoạch. Cuối cùng nước thoát ra sông Tiên Hương phía Bắc dự án qua 02 cửa xả Trên hệ thống đường cống bố trí hệ thống hố ga lắng cặn.

Tọa độ vị trí xả: Cửa xả 1: X (m): 2254785; Y(m): 564645.29

Cửa xả 2: X (m): 2254835.75; Y(m): 564756.63

*\* Hệ thống thu gom nước thải*

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải được thiết kế tách riêng hoàn toàn với hệ thống đường cống thu gom và thoát nước mưa.

 - Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ cùng với nước nước thải nhà ăn sau khi xử lý qua bể tách dầu mỡ theo hệ thống cống D200, D300 về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 60 m3/ngày xử lý. Trên hệ thống đường cống bố trí 11 hố ga lắng cặn.

 *\* Trạm xử lý nước thải:*

- Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 50 m3/ngày đêm. Quy trình công nghệ trạm xử lý như sau: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể aeroank → Bể lắng → Bể lọc → Bể khử trùng → Hố ga → Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) → sông Tiên Hương tại 01 cửa xả phía Bắc

dự án.

- Phương thức xả thải: tự chảy.

- Tọa độ điểm xả: X (m): 2254791.57; Y:564659.48 (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105030’, múi chiếu 30)

*b. Các công trình biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH.*

- Bố trí các thùng có thể tích 60-120 lít/thùng nắp đậy kín đặt tại khu vực nhà ăn, khu vực sản xuất, khu nhà điều hành để chứa chất thải rắn sinh hoạt. Hàng ngày được đơn vị thu gom rác thải của địa phương thu gom, vận chuyển và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện thu gom, phân loại chất thải phát sinh; Thực hiện thu gom lưu giữ chất thải rắn không thể tái chế được về kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường. Mỗi nhà xưởng bố trí 1 kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích diện tích 30m2;

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý CTNH: Chủ dự án bố trí 01 kho chứa CTNH diện tích 30m2. Kho có tường bao kín, nền đổ bê tông có mái che lợp tôn. Kho có cửa khóa, bên ngoài có biển tên CTNH theo đúng quy định. Trong kho bố trí các thùng chứa để thu gom CTNH. Các thùng chứa phải được dán tên loại chất thải, mã CTNH theo quy định. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.

*c. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải.*

- Thông gió khu vực xưởng sản xuất: Công ty tiến hành thiết kế hệ thống thông gió khu vực nhà xưởng theo phương pháp thông gió cưỡng bức kết hợp thông gió tự nhiên. Hệ thống quạt hút gió nhà xưởng được bố trí lắp đặt trên tường dọc theo chiều dài xưởng tại điểm có chiều cao 5 - 6 m so với mặt sàn, khoảng cách 6m/1quạt với tổng số quạt hút khoảng 20 cái/xưởng sản xuất. Chân tường đối diện thiết kế các cửa kính và mở theo các ca làm việc, giúp tạo luồng gió từ dưới lên trên trong nhà xưởng và đẩy hơi mùi ra ngoài.

- Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải khác

+ Quy định tốc độ xe di chuyển trong khu vực công ty.

 + Diện tích cây xanh với tổng diện tích khoảng 9.945,2m2 chiếm 20,25% tổng diện tích mặt bằng của dự án. Cây xanh được trồng dọc theo đường giao thông, tường bao, xung quanh các công trình. tạo cảnh quan, điều hòa không khí.

*d. Các công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, nhiệt độ.*

*\* Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:*

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, giảm mật độ giao thông và giờ cao điểm.

- Tại các khu vực phát sinh tiếng ồn và độ rung có lắp đặt các thiết bị chống rung, chống ồn.

- Trồng và chăm sóc cây xanh xung quanh công ty tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

*\* Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nhiệt:*

Trong quá trình thiết kế nhà xưởng phải đảm bảo khoảng cách an toàn, đảm bảo an toàn lao động và đảm bảo thoát nhiệt. Tại những nơi sản xuất có tính chất sinh nhiệt phải bố trí quạt thông gió, các cửa mái hợp lý đảm bảo thông gió tự nhiên tốt.

- Lắp đặt các quạt thông gió để tạo thông thoáng và thoát nhiệt.

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động.

*e. Công trình biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành.*

*\* Phòng ngừa cháy nổ.*

- Xây dựng phương án PCCC và hàng năm tổ chức thực hành diễn tập phương án. Định kỳ tổ chức huấn luyện kiến thức về PCCC cho người lao động theo quy định.

- Chú trọng công tác huấn luyện nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV

- Tuyên truyền, hướng dẫn các CBCNV thường xuyên chấp hành các biện pháp phòng ngừa cháy nổ

- Trang bị các phương tiện PCCC & CNCH:

- Nguyên tắc chữa cháy khi xảy ra sự cố cháy nổ, CNCH:

+ Người phát hiện thấy cháy phải bằng mọi cách báo cháy nhanh nhất và chữa cháy, CBCNV tại nơi cháy phải nhanh chóng thông tin và tham gia chữa cháy.

+ Báo cho lực lượng PCCC, cơ quan y tế, điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, giao thông và các cơ quan hữu quan khác khi nhận được tin báo cháy.

- Để đề phòng cháy nổ, hạn chế thiệt hại về người và nhà cửa, công ty thực hiện các biện pháp sau:

+ Mặt bằng thông thoáng, bảo đảm cho xe cứu hoả có thể kéo vòi nước tới tất cả các công trình khi xảy ra sự cố.

+ Nhà được thiết kế có cửa thoát hiểm đầy đủ đề phòng khi có sự cố xảy ra.

+ Trong khu vực có thể gây cháy, nổ, CBCNV không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm, các dụng cụ phát tia lửa điện do ma sát,...

+ Trang bị các phương tiện PCCC phù hợp, bao gồm hệ thống nước chữa cháy, bình chữa cháy, cát, bao tải, hệ thống báo cháy, còi báo động, xe đẩy vận chuyển, bảng báo cấm lửa, tiêu lệnh chữa cháy tại các vị trí dễ gây cháy nổ trong công ty.

+ Bố trí các dụng cụ chữa cháy ở nơi thuận tiện cho thao tác, không bị che chắn. Bố trí các bảng hiệu ở nơi dễ thấy, dễ đọc.

+ Lắp đặt các hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của công ty.

+ Thiết bị PCCC được thẩm định đánh giá chất lượng đúng tiêu chuẩn theo quy định Luật PCCC.

+ Đôn đốc và giáo dục các CBCNV thực hiện các qui định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ..

*- Phòng chống sự cố từ hệ thống xử lý nước thải tập trung*:

+ Chủ dự án sẽ phân công cán bộ thường xuyên theo dõi, kiểm tra hệ thống xử lý nước thải và chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, Chủ dự án tạm ngừng các công đoạn phát sinh nước thải để tiến hành cải tạo, sửa chữa. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho ra hệ thống vận hành trở lại.

- *Phòng chống sự cố về kho CTNH*:

Yêu cầu công nhân thu gom, phân loại, lưu giữ CTNH theo từng loại riêng biệt. Khi có sự cố rò rỉ, phát tán CTNH ra môi trường xung quanh, nhà máy sẽ tiến hành thu gom CTNH vào thùng chứa, kho chứa và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

*- Sự cố ngộ độc thực phẩm:*

+ Nguyên liệu được phải được mua từ các cơ sở có uy tín, có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng.

+ Nguyên liệu, bao bì, thành phẩm thực phẩm phải được bảo quản trong khu vực chứa đựng, kho riêng, diện tích đủ rộng để bảo quản thực phẩm; thiết kế phù hợp với yêu cầu bảo quản, giao nhận của từng loại thực phẩm và nguyên liệu thực phẩm; vật liệu xây dựng tiếp xúc với thực phẩm bảo đảm an toàn.

+ Nguyên liệu thực phẩm chế biến hàng ngày được nhà bếp thực hiện việc lưu mẫu bảo quản trong tủ lạnh bao gồm thức ăn sống và thức ăn chín. Thời gian lưu mẫu và bảo quản mẫu là 24h.

+ Cử cán bộ kiểm tra vệ sinh về an toàn thực phẩm trong quá trình nấu ăn như hoạt động rửa thực phẩm, bát đĩa,... và quá trình chế biến,...

+ Lượng thức ăn sau khi nấu chín được che đậy cẩn thận để phòng ngừa ruồi muỗi.

+ Lập sổ theo dõi, kiểm tra thực phẩm hàng ngày, có sổ nhật ký lưu mẫu thức ăn hàng ngày.

+ Định kỳ hàng năm sẽ đào tạo, tập huấn cho CBCNV nhà bếp về an toàn thực phẩm.

+ Các CBCNV làm trong nhà bếp được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm.

+ Nhà kho được trang bị hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động.

*- Biện pháp bảo vệ sức khỏe người lao động, an toàn vệ sinh lao động:*

+ Thường xuyên kiêm tra, bảo dưỡng và định kỳ kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt theo đúng quy định của pháp luật.

+ Tổ chức khám sức khỏe theo định kỳ, huấn luyện kiến thức về an toàn lao động cho người lao động và quan trắc môi trường lao động theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

+ Cử công nhân quét dọn nhà xưởng sau mỗi ca làm việc.

+ Tuyên truyền cho CBCNV nhận thức về tác hại của bụi, khí thải và đề ra nội quy về an toàn lao động trong quá trình vận hành các thiết bị máy móc.

+ Trang bị bảo hộ lao động như quần áo, giầy, khẩu trang chống bụi, khí thải CBCNV. Đối với công nhân làm việc tại khu vực phunsơn, khu vực in: sẽ được trang bị khẩu trang than hoạt tính để hấp thụ các khí hữu cơ.

+ Thực hiện đầy đủ chính sách cho người lao động trong nhóm lao động nặng nhọc,độc hại.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án.

***5.5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng dự án.***

- Vị trí giám sát: 02 vị trí cuối hướng gió ưu tiên gần khu dân cư

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, SO2, NO2, CO.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần (2 lần/năm).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

***5.5.2.Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động.***

***\* Giám sát nước thải:***

- Vị trí giám sát:01 mẫu nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, trước khi chảy ra môi trường.

- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải đầu ra, pH, BOD5, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng Nitơ, Clo dư, Amoni, Sunfua, tổng photpho, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT(B)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Hệ số áp dụng: Kq = 0,9 do không có số liệu lưu lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận; Kf = 1,1 do lưu lượng nguồn thải (F=60 m3/ng.đ) nằm trong ngưỡng 50< F ≤500. Đối với các thông số pH, coliform thì Cmax=C

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

## 1. KẾT LUẬN.

Việc đầu tư xây dựng “Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh điện, điện tử,bao bì, thiết bị y tế, plastic, cơ khí, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp, nội ngoại thất ô tô” phù hợp với chiến lược phát triển của ngành công nghiệp Việt Nam. Vị trí xây dựng Nhà máy phù hợp với quy hoạch phát triển tại huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được tuân thủ theo đúng mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Trong nội dung báo cáo đã thể hiện đầy đủ môi trường nền khu vực thực hiện dự án, đánh giá được những tác động môi trường khi dự án được triển khai từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đảm bảo theo các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành tương ứng. Các phương pháp đề xuất giảm thiểu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường có tính khả thi cần phải được áp dụng, cũng là cơ sở pháp lý đảm bảo cho việc giữ gìn môi trường trong sạch.

Những biện pháp xử lý nước thải, chất thải rắn... đề cập trong báo cáo hiện nay đang được sử dụng rộng rãi, hiệu quả cao và chi phí xây dựng, lắp đặt vận hành phù hợp, những biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường áp dụng thể hiện trong báo cáo đảm bảo đạt được hiệu quả cao nhất khi dự án được triển khai.

**2. KIẾN NGHỊ.**

Kính đề nghị các cơ quan có thẩm quyền sớm xem xét, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để Dự án được triển khai xây dựng và đưa vào khai thác theo đúng tiến độ.

Chủ dự án đề nghị UBND tỉnh Nam Định, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ để dự án được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

## 3. CAM KẾT.

Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

- Tôn trọng các giá trị của các cộng đồng địa phương và liên tục tiến hành trao đổi, tham khảo ý kiến của người dân địa phương trong các công việc có ảnh hưởng đến hệ sinh thái và môi trường trong khu vực thực hiện dự án.

 - Xây dựng, duy trì và kiểm tra các giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực do các hoạt động của Dự án gây ra.

- Cam kết thực hiện các biện pháp hiệu quả, khả thi để đảm bảo chất lượng môi trường và giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến cộng đồng dân cư.

 - Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung bảo vệ môi trường nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Cam kết thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi trong quá trình xây dựng.

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn thi công xây dựng.

 - Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, Quy chuẩn tương đương khi có thay đổi.

PHỤLỤC